

Số/No: 134 /2026/CV-MAFM

Hà Nội, ngày (day) 28. tháng (month) 01 năm (year) 2026

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

(Năm 2025/Year 2025)

**Kính gửi/To:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission;*

- Tên công ty/Name of company: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Tầng 38 Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu ĐTM Cầu Giấy, phường Yên Hòa, Hà Nội/38<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, E6 Slot, Cau Giay New Urban, Yen Hoa Ward, Hanoi.
- Điện thoại/Telephone: 024 3564 0666 Fax: 024 3564 0555 Email: [mafmc@miraeasset.com](mailto:mafmc@miraeasset.com)
- Vốn điều lệ/Charter capital: 26.000.000.000 VND
- Mã chứng khoán/Stock symbol:
- Mô hình quản trị công ty/Governance model:  
Chủ tịch, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên /Chairman, General Director and Supervisors.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/The implementation of internal audit: Implemented.

### I. Chủ tịch công ty (Báo cáo năm)/ Chairman (Annual report):

#### 1. Thông tin về Chủ tịch công ty/Information about the Chairman of the company:

| Stt<br>No. | Chủ tịch Công<br>ty/Chairman of the<br>company | Chức vụ/ Position (thành<br>viên HĐQT độc lập,<br>TVHĐQT không điều<br>hành)) Independent<br>members of the Board of<br>Directors, Non-executive<br>members of the Board of<br>Directors)) | Ngày bắt đầu/không còn là Chủ tịch<br>The date becoming/ceasing to be the Chairman |                                      |
|------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|            |                                                |                                                                                                                                                                                            | Ngày bổ nhiệm<br>Date of appointment                                               | Ngày miễn nhiệm<br>Date of dismissal |
| 1          | Ông Lee Dong Won                               | Chủ tịch                                                                                                                                                                                   | 02/04/2024                                                                         | 15/12/2025                           |
| 2          | Ông Kim Sung Hwan                              | Chủ tịch                                                                                                                                                                                   | 15/12/2025                                                                         |                                      |

3. Hoạt động giám sát của Chủ tịch đối với Ban Giám đốc/*Supervising the Board of Management Chairman by the Board of Directors:*

- Giám sát thường xuyên và đầy đủ việc thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu, báo cáo Chủ sở hữu kết quả và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty;

*Regularly and fully monitor for the fulfilments of the Owner's decisions and report their results and the company's business operations to the Owner.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/*Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):* Không có/*None*

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Chủ tịch Công ty (Báo cáo năm)/*Resolutions/Decisions of the Chairman (annual report):*

| Stt | Số, KH        | Ngày tháng VB | Trích yếu nội dung                                                                                                                               |
|-----|---------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 01/2025/QĐ-CT | 07/01/2025    | Phê duyệt phương án mua ccq MAGEF/ <i>Approval for the purchase of MAGEF fund certificates</i>                                                   |
| 2   | 02/2025/QĐ-CT | 21/04/2025    | Phê duyệt phương án mua CCTG MAFC/ <i>Approval for the purchase of MAFC's Cetificated of Deposites</i>                                           |
| 3   | 03/2025/QĐ-CT | 25/04/2025    | Phê duyệt phương án đầu tư Hợp đồng tiền gửi thuộc giao dịch lớn/ <i>Approval for the purchase of the term of deposits with the large amount</i> |
| 4   | 04/2025/QĐ-CT | 30/07/2025    | Phê duyệt phương án bán CCQ MAGEF/ <i>Approved to sell MAGEF fund certificates</i>                                                               |
| 5   | 05/2025/QĐ-CT | 14/08/2025    | Phê duyệt phương án mua Trái phiếu VHM121025/ <i>Approved to perchase VHM121025 bond</i>                                                         |
| 6   | 06/2025/QĐ-CT | 02/10/2025    | Phê duyệt phương án mua CCQ MAFF/ <i>Approval for buying MAFF fund certificates</i>                                                              |
| 7   | 07/2025/QĐ-CT | 11/11/2025    | Phê duyệt phương án bán CCQ MAFF / <i>Approval for selling MAFF fund certificates</i>                                                            |
| 8   | 08/2025/QĐ-CT | 11/11/2025    | Phê duyệt phương án mua CCQ Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND/ <i>Approval for buying MAFM VNDIAMOND ETF</i>                                                |
| 9   | 09/2025/QĐ-CT | 28/11/2025    | Chỉ định người phụ trách PCRT/ <i>Assign the person in charge of anti-money laundering tasks</i>                                                 |
| 10  | 10/2025/QĐ-CT | 04/12/2025    | Phê duyệt phương án mua CCQ MAFF/ <i>Approval for buying MAFF certificates</i>                                                                   |

### III. Kiểm soát viên (Báo cáo năm)/ *Supervisors (Annual report):*

1. Thông tin về Kiểm soát viên/ *Information about Supervisors:*

| Stt<br>No. | Kiểm soát viên/<br><i>Supervisors</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>            | Ngày bắt đầu/không còn là Kiểm<br>soát viên<br><i>The date becoming/ceasing to be<br/>the Supervisors</i> | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i> |
|------------|---------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1          | Ông/Mr.: Kang Sang Sin                | Kiểm soát<br>viên/ <i>Controllers</i> | Bổ nhiệm ngày 08/11/2022<br><i>Appointment on 08/11/2022</i>                                              | Đại học/ <i>Bachelor</i>                    |

2. Cuộc họp của Kiểm soát viên /*Meetings of Board of Supervisors:* Không áp dụng/*Not applicable*

3. Hoạt động giám sát của Kiểm soát viên đối với Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc điều hành /*Supervising Chairman, Board of Management by Supervisors:*

- Thực hiện giám sát hoạt động của Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc trong hoạt động quản lý và điều hành kinh doanh của Công ty/*Supervised activities of the Company's Chairman and General Director in management and business operations of the Company*

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Chủ tịch Công ty trước khi trình Chủ Sở hữu/*Audit of the company's business operation reports and financial statements, review the management reports of the Chairman before submitting the Owner.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Kiểm Soát viên đối với hoạt động của Chủ tịch Công ty, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Supervisor, Board of Directors and other managers:*

- Kiểm soát viên chủ động phối hợp chặt chẽ với Chủ tịch Công ty, Tổng Giám Đốc trong công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động kinh doanh của Công ty.

*The Supervisor proactively collaborates with the Chairman and General Director in reviewing and monitoring the company's business activities;*

- Trong năm 2025, Kiểm soát viên được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện chức năng giám sát của mình tại Công ty thông qua việc Công ty cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và quản trị của công ty theo yêu cầu của Kiểm Soát Viên.

*Throughout 2025, the company facilitated the supervisor's duties by providing him with all necessary information and documents related to business activities, governance, and financial capabilities upon request.*

5. Hoạt động khác của Kiểm soát viên/*Other activities of the Supervisors: Không có.*

#### IV. Ban điều hành/Board of Management

| STT<br>No. | Thành viên Ban điều hành/Members of Board of Management | Ngày tháng năm sinh<br>Date of birth | Trình độ chuyên môn<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/<br>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management / |
|------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            | Ông/Mr. Soh Jin Wook                                    | 20/11/1971                           | Thạc sỹ/Master                       | Bổ nhiệm ngày/<br>Appointed at 24/11/2021                                                                                      |

#### V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

| Họ và tên<br>Name | Ngày tháng năm sinh<br>Date of birth | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm<br>Date of appointment/ dismissal |
|-------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Vũ Thị Thúy Lua   | 18/04/1984                           | Đại học/Bachelor                               | Bổ nhiệm ngày/ Appointed at 09/07/2019                      |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*  
Không áp dụng/*Not applicable*

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty (Báo cáo năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the company (Annual report) and transactions of affiliated persons of the Company***

Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company*

| STT<br>No.                       | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i>                                                     | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán(nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i>               | Chức vụ tại<br>công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*,<br>ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>                                                                                                                                    | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ <i>Address</i>      | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan <i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công ty/<br><i>Relationship with the Company</i> |
|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| A. Tổ chức/ <i>Organizations</i> |                                                                                                                   |                                                                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                                                          |                                                                 |                                                                                               |                                                                                                  |                         |                                                                                  |
| 1                                | Mirae Asset Global Investment Co., Ltd                                                                            |                                                                                                        |                                                                            | Giấy chứng ký kinh doanh số 211-86-23290 do Cơ quan thuế Hàn quốc cấp ngày 23/07/1997<br><br><i>Business registration certificate No.: 211-86-23290 issued by Korea's Tax Department dated 23<sup>rd</sup> July 1997</i> | Tower 1 (Gran Seoul Bldg), 33 Jong-ro, Jongno-gu, Seoul, Kore   | 20/08/2018                                                                                    |                                                                                                  |                         | Công ty mẹ/ <i>Mother company</i>                                                |
| 2                                | Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam (MAGEF)<br><br><i>Mirae Asset Vietnam Growth Equity Fund</i> | SCBB669999 tại Ngân Hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)<br><br><i>SCBB669999 at</i> |                                                                            | Giấy phép lập quỹ số 39/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 23/07/2019                                                                                                                                      | Tầng 38, Keangnam Landmark 72 Tower, Khu E6, Khu Đô Thị Mới Cầu | 23/07/2019                                                                                    |                                                                                                  |                         | Quỹ mở do Công ty quản lý<br><br><i>Open-ended fund managed by</i>               |

|   |                                 |                                                                                                                                         |  |                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                           |            |  |                                                                                                                          |
|---|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                 | <i>Standard Chartered<br/>(Vietnam) Bank</i>                                                                                            |  | <i>Fund<br/>Establishment<br/>License<br/>No.:39/GCN-<br/>UBCK issued by<br/>the State<br/>Securities<br/>Commission dated<br/>23<sup>rd</sup> July 2019</i>                                                                                                             | <i>Giấy, Phường<br/>Mễ Trì, Quận<br/>Nam Từ Liêm,<br/>Hà Nội<br/>38<sup>th</sup> Floor,<br/>Keangnam<br/>Hanoi<br/>Landmark<br/>Tower, E6 Slot,<br/>Cau Giay New<br/>Urban, Me Tri,<br/>Nam Tu Liem,<br/>Hanoi.</i>                                       |            |  | <i>the Company</i>                                                                                                       |
| 3 | Quỹ ETF MAFM<br>VN30 (FUEMAV30) | SHVB434040 tại<br>Ngân hàng TNHH<br>Một thành viên<br>Shinhan Việt Nam<br><br><i>SHVB434040 at<br/>Shinhan Bank<br/>Vietnam Limited</i> |  | Giấy phép lập quỹ<br>số 46/GN-UBCK<br>do Ủy Ban Chứng<br>Khoán Nhà Nước<br>cấp ngày<br>29/10/2020<br><br><i>Fund<br/>Establishment<br/>License<br/>No.:46/GCN-<br/>UBCK issued by<br/>the State<br/>Securities<br/>Commission dated<br/>29<sup>th</sup> October 2020</i> | Tầng 38,<br>Keangnam<br>Landmark 72<br>Tower, Khu<br>E6, Khu Đô<br>Thị Mới Cầu<br>Giấy, Phường<br>Mễ Trì, Quận<br>Nam Từ Liêm,<br>Hà Nội<br>38 <sup>th</sup> Floor,<br>Keangnam<br>Hanoi<br>Landmark<br>Tower, E6 Slot,<br>Cau Giay New<br>Urban, Me Tri, | 29/10/2020 |  | Quỹ hoán đổi<br>danh mục do<br>Công ty quản<br>lý<br><br><i>Exchange-<br/>traded fund<br/>managed by<br/>the Company</i> |



|   |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                     |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |            |  |  |                                                                                                               |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                     |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Nam Tu Liem,<br>Hanoi.                                                                                                                                                                                                                                                                                                |            |  |  |                                                                                                               |
| 4 | <p>Quỹ Đầu tư Trái phiếu<br/>Linh hoạt Mirae Asset<br/>Việt Nam</p> <p><i>Mirae Asset Vietnam<br/>Flexible Fixed<br/>Income Fund</i></p> | <p>BIDB577777 tại<br/>Ngân hàng TMCP<br/>Đầu tư và Phát triển<br/>Việt Nam – Chi<br/>nhánh Hà Thành</p> <p><i>BIDB577777 at<br/>Joint Stock<br/>Commercial Bank<br/>for Investment and<br/>Development of<br/>Vietnam – Ha<br/>Thanh Branch</i></p> |  | <p>Giấy phép lập quỹ<br/>số 42/GCN-<br/>UBCK do Ủy ban<br/>chứng khoán Nhà<br/>nước cấp ngày<br/>12/11/2021</p> <p><i>Fund<br/>Establishment<br/>License<br/>No.:42/GCN-<br/>UBCK issued by<br/>the State<br/>Securities<br/>Commission dated<br/>12<sup>th</sup> November<br/>2021</i></p> | <p>Tầng 38,<br/>Keangnam<br/>Landmark 72<br/>Tower, Khu<br/>E6, Khu Đô<br/>Thị Mới Cầu<br/>Giấy, Phường<br/>Mễ Trì, Quận<br/>Nam Từ Liêm,<br/>Hà Nội</p> <p><i>38<sup>th</sup> Floor,<br/>Keangnam<br/>Hanoi<br/>Landmark<br/>Tower, E6 Slot,<br/>Cau Giay New<br/>Urban, Me Tri,<br/>Nam Tu Liem,<br/>Hanoi.</i></p> | 12/11/2021 |  |  | <p>Quỹ mở do<br/>Công ty quản<br/>lý</p> <p><i>Open-ended<br/>fund<br/>managed by<br/>the Company</i></p>     |
| 5 | <p>Quỹ Đầu Tư Cơ Hội<br/>Mirae Asset Việt Nam</p> <p><i>Mirae Asset Vietnam<br/>Opportunities Fund</i></p>                               | <p>SHVB108186 tại<br/>Ngân hàng TNHH<br/>Một thành viên<br/>Shinhan Việt Nam</p> <p><i>SHVB108186 at<br/>Shinhan Bank<br/>Vietnam Limited</i></p>                                                                                                   |  | <p>Giấy chứng nhận<br/>đăng ký lập quỹ<br/>thành viên số<br/>36/GCN-UBCK<br/>do Ủy Ban Chứng<br/>Khoán Nhà Nước<br/>cấp ngày<br/>20/07/2022</p>                                                                                                                                             | <p>Tầng 38,<br/>Keangnam<br/>Landmark 72<br/>Tower, Khu<br/>E6, Khu Đô<br/>Thị Mới Cầu<br/>Giấy, Phường<br/>Mễ Trì, Quận</p>                                                                                                                                                                                          | 20/07/2022 |  |  | <p>Quỹ thành<br/>viên do Công<br/>ty Quản Lý</p> <p><i>Member<br/>Fund<br/>managed by<br/>the Company</i></p> |

|   |                           |                                                                                                                                         |  |                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |            |  |  |                                                                                   |
|---|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------|
|   |                           |                                                                                                                                         |  | <i>Fund Establishment License No.:36/GCN-UBCK issued by the State Securities Commission dated 20<sup>th</sup> July 2022</i>                                                                                                             | Nam Từ Liêm,<br>Hà Nội.<br><br>38 <sup>th</sup> Floor,<br>Keangnam<br>Hanoi<br>Landmark<br>Tower, E6 Slot,<br>Cau Giay New<br>Urban, Me Tri,<br>Nam Tu Liem,<br>Hanoi.                                                                                                                  |            |  |  |                                                                                   |
| 6 | Quỹ ETF MAFM<br>VNDIAMOND | SHVB589973 tại<br>Ngân hàng TNHH<br>Một thành viên<br>Shinhan Việt Nam<br><br><i>SHVB589973 at<br/>Shinhan Bank<br/>Vietnam Limited</i> |  | Giấy phép lập quỹ<br>số 41/GCN-<br>UBCK do Ủy ban<br>chứng khoán Nhà<br>nước cấp ngày<br>02/03/2023<br><br><i>Fund Establishment License No.:41/GCN-UBCK issued by the State Securities Commission dated 02<sup>nd</sup> March 2023</i> | Tầng 38,<br>Keangnam<br>Landmark 72<br>Tower, Khu<br>E6, Khu Đô<br>Thị Mới Cầu<br>Giấy, Phường<br>Mễ Trì, Quận<br>Nam Từ Liêm,<br>Hà Nội<br><br>38 <sup>th</sup> Floor,<br>Keangnam<br>Hanoi<br>Landmark<br>Tower, E6 Slot,<br>Cau Giay New<br>Urban, Me Tri,<br>Nam Tu Liem,<br>Hanoi. | 02/03/2023 |  |  | Quỹ ETF do<br>Công ty<br>Quản Lý<br><br><i>ETF<br/>managed by<br/>the Company</i> |



[illegible]

|   |                 |            |                                                                                                                       |  |  |            |            |                                                                               |                                |
|---|-----------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Lee Dong Won    |            | Chủ tịch/ <i>Chairman</i>                                                                                             |  |  | 02/04/2024 | 15/12/2025 | Miễn nhiệm<br>ngày<br>15/12/2025<br><i>Dismissal on<br/>15/12/2025</i>        | Người nội bộ<br><i>Insider</i> |
| 2 | Kim Sung Hwan   |            | Chủ tịch/ <i>Chairman</i>                                                                                             |  |  | 15/12/2025 |            | Bổ nhiệm mới<br>vào ngày<br>15/12/2025<br><i>Appoinment on<br/>15/12/2025</i> | Người nội bộ<br><i>Insider</i> |
| 3 | Soh Jin Wook    |            | Tổng Giám đốc<br>– Người đại<br>diện theo pháp<br>luật/<br><i>General<br/>Director –<br/>Legal<br/>Representative</i> |  |  | 24/11/2021 |            |                                                                               | Người nội bộ<br><i>Insider</i> |
| 4 | Vũ Thị Thúy Lua |            | Kế Toán<br>Trưởng/ <i>Chief<br/>Accountant</i>                                                                        |  |  | 09/07/2019 |            |                                                                               | Người nội bộ<br><i>Insider</i> |
| 5 | Kim Sang Sin    | Không có   | Kiểm Soát<br>Viên/ <i>Supervisor</i>                                                                                  |  |  | 08/11/2022 |            |                                                                               | Người nội bộ<br><i>Insider</i> |
| 6 | Lại Minh Quyền  | 701CA00014 | Kiểm Toán Nội<br>Bộ/ <i>Internal<br/>Audit</i>                                                                        |  |  | 15/03/2019 |            |                                                                               | Người nội bộ<br><i>Insider</i> |

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organizations).*

1. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/  
*Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/<br/>individual</i> | Mối quan hệ liên quan<br>với công ty<br><i>Relationship with the<br/>Company</i> | Số Giấy NSH*,<br>ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. * date of<br/>issue, place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ <i>Address</i>                                                                                                                           | Thời điểm giao<br>dịch với công ty<br><i>Time of<br/>transactions with<br/>the Company</i>              | Số Nghị quyết/<br>Quyết định của<br>ĐHĐCĐ/ HĐQT...<br>thông qua (nếu có,<br>nêu rõ ngày ban<br>hành) <i>Resolution No.<br/>Or Decision No.<br/>approved by General<br/>Meeting of<br/>Shareholders/ Board<br/>of Directors (if any,<br/>specifying date of<br/>issue)</i> | Nội dung, số lượng,<br>tổng giá trị giao dịch/<br><i>Content, quantity, total<br/>value of transaction</i>                                                                                       | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1          | Mirae Asset Global<br>Investment Co., Ltd                          | Công ty mẹ/ <i>Mother<br/>company</i>                                            |                                                                                              | Giấy đúng ký<br>kinh doanh số<br>211-86-23290<br>do Cơ quan<br>thuế Hàn quốc<br>cấp ngày<br>23/07/1997<br><br><i>Business<br/>registration<br/>certificate No.:<br/>211-86-23290</i> | Theo báo cáo tài<br>chính của Công<br>ty/ <i>According to the<br/>Company's<br/>financial statement</i> | Không có/ <i>None</i>                                                                                                                                                                                                                                                     | Phí quản lý phụ danh<br>mục đầu tư, được công<br>bố trong Báo cáo tài<br>chính của Công ty/ <i>Sub-<br/>management service<br/>fee, Stated in the<br/>financial statement of<br/>the Company</i> |                        |

|   |                                                                                                                                     |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                     |               |                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                                                                                     |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | issued by<br>Korea's Tax<br>Department<br>dated 23 <sup>rd</sup> July<br>1997                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                     |               |                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |
| 2 | Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu<br>Tăng Trưởng Mirae<br>Asset Việt Nam<br>(MAGEF)<br><i>Mirae Asset Vietnam<br/>         Growth Equity Fund</i> | Quỹ mở do Công ty<br>quản lý<br><i>Fund managed by the<br/>         Company</i> | Giấy phép lập<br>quỹ số 39/GCN-<br>UBCK do Ủy<br>Ban Chứng<br>Khoán Nhà Nước<br>cấp ngày<br>23/07/2019<br><i>Fund<br/>         Establishment<br/>         License<br/>         No.: 39/GCN-<br/>         UBCK issued by<br/>         the State<br/>         Securities<br/>         Commission<br/>         dated 23<sup>rd</sup> July<br/>         2019</i> | Tầng 38,<br>Keangnam<br>Landmark 72<br>Tower, Khu E6,<br>Khu Đô Thị<br>Mới Cầu Giấy,<br>Phường Mỹ Trì,<br>Quận Nam Từ<br>Liêm, Hà Nội<br>38 <sup>th</sup> Floor,<br>Keangnam<br>Hanoi<br>Landmark<br>Tower, E6 Slot,<br>Cau Giay New<br>Urban, Me Tri,<br>Nam Tu Liem,<br>Hanoi. | Từ khi quỹ được<br>thành lập, theo báo<br>cáo tài chính của<br>Công ty<br><i>From the fund<br/>         establishment date,<br/>         according to the<br/>         Company's<br/>         financial<br/>         statements</i> | Không có/None | Nhận giá dịch vụ quản<br>lý, được công bố trong<br>Báo cáo tài chính của<br>Công ty<br><i>Received the<br/>         management fee as<br/>         stated in the<br/>         Company's financial<br/>         statement</i>                                    |  |
|   |                                                                                                                                     |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 16/01/2025                                                                                                                                                                                                                          |               | Công ty mua<br>450.984,66 Chứng chỉ<br>quỹ, tương đương<br>4.509.846.600 đồng<br>(theo mệnh giá)<br><i>The company bought<br/>         450,984.66 Fund<br/>         certificates, equivalent to<br/>         4,509,846,600 dong<br/>         (value in par)</i> |  |
|   |                                                                                                                                     |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 06/08/2025                                                                                                                                                                                                                          |               | Công ty bán<br>450.984,66 Chứng chỉ<br>quỹ, tương đương<br>4.509.846.600 đồng                                                                                                                                                                                   |  |

|   |                                                                                                              |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                  |               |                                                                                                                                                                     |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                                                              |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                  |               | (theo mệnh giá)<br><br><i>The company sold 450,984.66 Fund certificates, equivalent to 4,509,846,600 dong (value in par)</i>                                        |  |
| 3 | Quỹ ETF MAFM VN30 (FUEMAV30)                                                                                 | Quỹ ETF do Công ty quản lý<br><br><i>ETF managed by the Company</i> | Giấy phép lập quỹ số 46/GN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 29/10/2020<br><br><i>Fund Establishment License No.: 46/GCN-UBCK issued by the State Securities Commission dated 29<sup>th</sup> October 2020</i> | Tầng 38, Keangnam Landmark 72 Tower, Khu E6, Khu Đô Thị Mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Đình, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội<br><br><i>38<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, E6 Slot, Cau Giay New Urban, Me Tri, Nam Tu Liem, Hanoi.</i> | Từ khi quỹ được cấp phép thành lập.<br><br><i>From the issuance date of the fund's establishment certificate</i> | Không có/None | Nhận giá dịch vụ quản lý, được công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty<br><br><i>Received the management fee as stated in the Company's financial statement</i> |  |
| 4 | Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Mirae Asset Việt Nam<br><br><i>Mirae Asset Vietnam Flexible Fixed Income</i> | Quỹ mở do Công ty quản lý<br><br><i>Fund managed by the Company</i> | Giấy phép lập quỹ số 42/GCN-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày                                                                                                                                                  | Tầng 38, Keangnam Landmark 72 Tower, Khu E6, Khu Đô Thị                                                                                                                                                                                     | Nhận giá dịch vụ quản lý từ khi quỹ được cấp phép thành lập.<br><br><i>From the issuance</i>                     | Không có/None | Nhận giá dịch vụ quản lý, được công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty<br><br><i>Received the</i>                                                               |  |

|  |             |  |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                          |                                                     |  |                                                                                                                                                                                                |  |
|--|-------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  | <i>Fund</i> |  | 12/11/2021<br><i>Fund Establishment License No.:42/GCN-UBCK issued by the State Securities Commission dated 12<sup>th</sup> November 2021</i> | Mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội<br>38 <sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, E6 Slot, Cau Giay New Urban, Me Tri, Nam Tu Liem, Hanoi. | <i>date of the fund's establishment certificate</i> |  | <i>management fee as stated in the Company's financial statement</i>                                                                                                                           |  |
|  |             |  |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                          | 14/10/2025                                          |  | Công ty mua 304.225,58 Chứng chỉ quỹ, tương đương 3.042.255.800 đồng (theo mệnh giá)<br><i>The Company had bought 304,225.58 fund certificates, equal to 3,042,255,800 dong (value in par)</i> |  |
|  |             |  |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                          | 18/11/2025                                          |  | Công ty bán 1.506.260,40 Chứng chỉ quỹ, tương đương 15.062.604.000 đồng (theo mệnh giá)<br><i>The Company sold 1,506,260.40 fund certificates, equal to 15,062,604,000 dong (value in par)</i> |  |
|  |             |  |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                          | 11/12/2025                                          |  | Công ty mua 1.283.299,05 Chứng chỉ quỹ, tương đương 12,832,990,500 đồng (theo mệnh giá)                                                                                                        |  |

|   |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                  |  |                                                                                                                                                                            |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                  |  | <i>The Company bought 1,283,299.05 fund certificates, equal to 12.832.990.500 dong (value in par)</i>                                                                      |  |
| 5 | <p>Quỹ Đầu Tư Cơ Hội Mirae Asset Việt Nam</p> <p><i>Mirae Asset Vietnam Opportunities Fund</i></p> | <p>Quỹ thành viên do Công ty quản lý</p> <p><i>Member fund managed by the Company</i></p> | <p>Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ thành viên số 36/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 20/07/2022</p> <p><i>Fund Establishment License No.: 36/GCN-UBCK issued by the State Securities Commission dated 20<sup>th</sup> July, 2022</i></p> | <p>Tầng 38, Keangnam Landmark 72 Tower, Khu E6, Khu Đô Thị Mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.</p> <p><i>38<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, E6 Slot, Cau Giay New Urban, Me Tri, Nam Tu Liem, Hanoi.</i></p> | <p>Nhận giá dịch vụ quản lý từ khi quỹ được cấp phép thành lập.</p> <p><i>From the issuance date of the fund's establishment certificate</i></p> |  | <p>Nhận giá dịch vụ quản lý, được công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty</p> <p><i>Received the management fee as stated in the Company's financial statement</i></p> |  |
| 6 | <p>Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND</p>                                                                      | <p>Quỹ hoán đổi danh mục do Công ty Quản Lý</p> <p><i>ETF managed by the Company</i></p>  | <p>Giấy phép lập quỹ số 41/GCN-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/03/2023</p>                                                                                                                                                               | <p>Tầng 38, Keangnam Landmark 72 Tower, Khu E6, Khu Đô Thị Mới Cầu Giấy,</p>                                                                                                                                                                       | <p>Nhận giá dịch vụ quản lý từ khi quỹ được cấp phép thành lập.</p> <p><i>From the issuance date of the fund's</i></p>                           |  | <p>Nhận giá dịch vụ quản lý, được công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty</p> <p><i>Received the management fee as</i></p>                                             |  |



|   |                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                               |                                  |  |                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                   | <i>Fund Establishment License No.:41/GCN-UBCK issued by the State Securities Commission dated 02<sup>nd</sup> March 2023</i> | Phường Mễ Trì,<br>Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội<br><br>38 <sup>th</sup> Floor,<br>Keangnam Hanoi Landmark Tower, E6 Slot,<br>Cau Giay New Urban, Me Tri, Nam Tu Liem, Hanoi.                                                       | <i>establishment certificate</i> |  | <i>stated in the Company's financial statement</i>                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                  |
| 7 | <p>Công ty Cổ phần Groo International</p> <p><i>Groo International Joint Stock Company</i></p> | <p>Công ty Cổ phần Groo Internaltional là tổ chức có liên quan của ông Lee Dong Won – Chủ tịch Công ty</p> <p><i>Groo Internaltional Joint Stock Company is the related organization of Mr Lee Dong Won – MAFM's Chairman</i></p> | 0107624988                                                                                                                   | Tầng 2, Tòa nhà N09B2, KĐT mới Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam<br><br><i>Floor 2<sup>nd</sup>, N09B2 Building, Dich Vong New Urban, Dich Vong Ward, Cau Giay District, Hanoi city.</i> | 14/06/2024                       |  | <p>Cung cấp dịch vụ lưu trữ website, giá trị dịch vụ được công bố trong báo cáo tài chính của Công ty</p> <p><i>Provide website maintenance service, service fees is stated in the finance statement of the Company</i></p> | <p>Chấm dứt là người có liên quan của người nội bộ từ ngày 15/12/2025</p> <p><i>Dismissal from the related person of the Company's internal person from 15 December 2025</i></p> |

|   |                                                                                                                                 |                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                            |            |                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 8 | <p>Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên Mirae Asset (Việt Nam)</p> <p><i>Mirae Asset Finance Company (Vietnam) Limited</i></p> | <p>Gián tiếp chịu chung một sự kiểm soát</p> <p><i>Indirectly under a controller</i></p>               | <p>Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0311132506 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/09/2011</p> <p><i>Business registration No. 0311132506 issued by Ho Chi Minh City Department on Planning and Investment issued on 08 September 2021</i></p> | <p>91 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam</p> <p><i>91 Pasteur, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam</i></p> | 23/04/2025 | <p>Công ty mua 11.000.000.000 đồng chứng chỉ tiền gửi do Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên Mirae Asset (Việt Nam) phát hành</p> <p><i>The Company bought 11,000,000,000 dong certificate of deposit issued by Mirae Asset Finance Company (Vietnam) Limited</i></p> |  |
| 9 | <p>Mirae Asset Global Investments (Hong Kong) Limited</p>                                                                       | <p>Doanh nghiệp chịu chung sự kiểm soát của Công ty mẹ</p> <p><i>Under the same mother company</i></p> | <p>Số đăng ký doanh nghiệp: 34214122 cấp ngày 17/12/2020 tại Hồng Kong</p> <p><i>Business registration No.: 34214122 issued on 17 December 2020 in Hongkong</i></p>                                                                                               | <p>Unit 1101, Level 11, Lee Garden Three, 1 Sunning Road, Causeway Bay, Hong Kong</p>                                                                      |            | <p>Phí quản lý phụ danh mục đầu tư, được công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty/Sub-management service fee, Stated in the financial statement of the Company</p>                                                                                                   |  |

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organizations).*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power*: Không có/None

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*: Không có

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà Chủ tịch Công ty, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting)*: Không có/None

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/  
*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): Không có*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: Không có*

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)**

Không có, do Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam) là Công ty trách nhiệm hữu hạn, nên không có giao dịch cổ phiếu của Công ty/*None applicable, because Mirae Asset (Vietnam) Fund Management Company operates under liability limited company form, therefore, the company has no stock transactions of insiders and their related persons*

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: Không có**

**Nơi nhận/Recipients:**

- Lưu: VT , Bộ phận KSNB
- Archived: ...

**TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY  
GENERAL DIRECTOR**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)

